

**CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ GIÁO DỤC HOÀNG ANH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ GIÁO DỤC HOÀNG ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANG ANH EDUCATION EQUIPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HOANG ANH EDUCATION EQUIPMENT CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108378830

**3. Ngày thành lập:** 27/07/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Xóm Chùa, Xã Hữu Hoà, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0973145268

Fax:

Email: [Ledinhquoc991978@gmail.com](mailto:Ledinhquoc991978@gmail.com) Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet                                                                                                      | 4791     |
| 2.  | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(không bao gồm các dịch vụ tư vấn: tư vấn pháp luật; tư vấn chứng khoán và không bao gồm các hoạt động của công ty luật, văn phòng luật sư)                                                                                              | 7020     |
| 3.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh: Bán lẻ thực phẩm khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh như: cà phê bột, cà phê hòa tan, chè..                             | 4722     |
| 4.  | Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                                                                       | 1610     |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                                                                                                                | 4610     |
| 6.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động đầu tư<br>(không bao gồm các dịch vụ tư vấn: tư vấn pháp luật; tư vấn chứng khoán và không bao gồm các hoạt động của công ty luật, văn phòng luật sư và hoạt động quản lý quỹ) | 6619     |
| 7.  | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                             | 4761     |
| 8.  | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                           | 4763     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác<br>Chi tiết:<br>- Photo, chuẩn bị tài liệu<br>- Hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                                                                                                         | 8219        |
| 10. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí                                                                                                                                                                            | 6329        |
| 11. | Cổng thông tin<br>(trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6312        |
| 12. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn chè                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4632        |
| 13. | Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8020        |
| 14. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8230        |
| 15. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7320        |
| 16. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6202        |
| 17. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>(trừ cung cấp hạ tầng mạng)                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6311        |
| 18. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6201        |
| 19. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác chưa được phân loại vào đâu như: khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.                                                                                                              | 6209        |
| 20. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4620        |
| 21. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến                                                                                                                                                                                                                                             | 4663        |
| 22. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi). Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện). Bán buôn thiết bị camera. Bán buôn máy móc, thiết bị máy đếm tiền | 4659(Chính) |
| 23. | Hoạt động của trụ sở văn phòng<br>Chi tiết: Lập chiến lược và kế hoạch tổ chức                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7010        |
| 24. | Môi giới hợp đồng hàng hoá và chứng khoán<br>Chi tiết: Môi giới hợp đồng hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6612        |
| 25. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp<br>Chi tiết: Việc cung cấp dịch vụ hỗ trợ văn phòng hỗn hợp hàng ngày, như lễ tân, giữ sổ sách kế toán, dịch vụ nhân sự và chuyển phát thư...cho những người khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng.                                                                                                                     | 8211        |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: LÊ ĐÌNH QUỐC

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 09/09/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012137706

Ngày cấp: 12/12/2005

Nơi cấp: Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Chùa, Xã Hữu Hoà, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm Chùa, Xã Hữu Hoà, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: LÊ ĐÌNH QUỐC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 09/09/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012137706

Ngày cấp: 12/12/2005

Nơi cấp: Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Chùa, Xã Hữu Hoà, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm Chùa, Xã Hữu Hoà, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội